

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường  
dự án “Xây dựng Khu dân cư Mả Hạ xã Tân Thanh,  
huyện Lạng Giang (giai đoạn 6)”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 467/TTr-TNMT ngày 31/7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng Khu dân cư Mả Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6)” (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>1</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ

<sup>1</sup> Thành lập theo Quyết định số 360/QĐ-TNMT ngày 28/4/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Tân Thanh; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, KTN.Toàn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**DỰ ÁN “XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ MẠI HẠ XÃ TÂN THANH,**  
**HUYỆN LẠNG GIANG (GIAI ĐOẠN 6)”**  
*(Kèm theo Quyết định số 832 /QĐ-UBND ngày 03 /8/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Xây dựng Khu dân cư Mại Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6).
- Địa điểm thực hiện: Xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

\* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, tổng diện tích khu đất xây dựng khoảng 6,0 ha.

\* Quy mô, công suất của dự án:

- Các hạng mục đầu tư chính: San nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, ga rác và trạm xử lý nước thải.

- Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo khu dự án có môi trường cảnh quan tiện nghi, đảm bảo giá trị mỹ quan, môi trường sinh thái theo quy hoạch được duyệt. Các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đều được tính toán trong mối quan hệ với các dự án khác tại các khu vực lân cận và đấu nối hạ tầng và các tuyến chính đã được nghiên cứu khảo sát kỹ đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ cho dự án.

- Quy mô dân số: Khoảng 536 người.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải (trạm xử lý nước thải), cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

- Theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/04/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Xây dựng Khu dân cư Mại Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6)”

có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 60.000 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 54.200 m<sup>2</sup>.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Xây dựng Khu dân cư Mả Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 6)” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án khoảng 60.000 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 54.200 m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 60.000m<sup>2</sup> đất, trong đó: Đất trồng lúa 54.200 m<sup>2</sup>; đất khác 5.800 m<sup>2</sup>.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất.

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật; phá dỡ nương xây, đường bê tông hiện trạng; di dời mồ mả; tháo dỡ đường điện hiện trạng,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng; từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu thi công; từ quá trình bốc xúc vật liệu xây dựng; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; từ thổi bụi thi công mặt đường; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất đắp và nguyên vật liệu thi công; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công.

+ Khí thải từ công đoạn hàn.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị và từ hoạt động rửa xe,...; nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng (phá dỡ nương xây, đường bê tông hiện trạng; di dời mồ mả; tháo dỡ đường điện hiện trạng); từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro về thiên tai; sự cố liên quan đến hoàn trả nương; sự cố do vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng trên đê...

### **2.2. Giai đoạn vận hành dự án**

- Hoạt động của các hộ dân, trường mầm non, nhà văn hóa,...

+ Nước thải phát sinh từ các hộ dân, trường mầm non, nhà văn hóa; nước rỉ rác từ điểm tập kết chất thải rắn tập trung (ga rác) trong khu vực dự án; nước thải từ khu dân cư hiện trạng gần khu vực dự án.

+ Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông, từ hoạt động đun nấu trong dự án, từ máy điều hòa nhiệt độ. Mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải, từ hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân, bùn thải bể tự hoại.

+ Chất thải nguy hại (gồm: dầu thải; pin thải; găng tay, giẻ lau dính dầu, thùng đựng hóa chất...).

- Sự cố chập cháy hệ thống điện; tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường; sự cố ngập úng, lũ lụt,...

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### **3.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

##### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị khoảng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải từ hoạt động rửa xe phát sinh khoảng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải từ hoạt động phun nước rửa đường phát sinh không đáng kể chủ yếu được bay hơi, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS,...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng; từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu thi công; từ quá trình bốc xúc vật liệu xây dựng; từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu; từ quá trình thổi bụi mặt đường thi công; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất đắp và nguyên vật liệu thi công; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi,...

+ Khí thải từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO<sub>x</sub>, khói hàn.

+ Khí thải phát sinh từ quá trình tưới nhựa dính bám và trải thảm bê tông nhựa nóng mặt đường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO<sub>2</sub>, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, VOC...

### 3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng trên công trường khoảng 13 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường (như: cây cối, bê tông, gạch vỡ,...) phát sinh khoảng 995 tấn, trong đó: từ quá trình phát quang thực vật khoảng 21,5 tấn; từ quá trình phá dỡ, di dời công trình hiện trạng khoảng 973,5 tấn (gồm: tháo dỡ, di dời đường điện khoảng 39 tấn, phá dỡ mương xây hiện trạng khoảng 12 tấn, phá dỡ đường bê tông hiện trạng khoảng 860 tấn, di dời mả khoảng 62,5 tấn).

- Đất đào, bóc hữu cơ phát sinh khoảng 26.140 m<sup>3</sup>.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công, xây dựng phát sinh khoảng 158 kg/ngày (bao gồm: gạch vỡ, cặn vữa, đầu mẫu cấp, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton,...).

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, xây dựng (bao gồm: giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, dầu nhớt tổng hợp thải, que hàn thải, ...) phát sinh khoảng 135,5 kg/tháng.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc, thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án; từ phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế - xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến các hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển và các khu dân cư hiện trạng, tổ chức xung quanh dự án; tác động đến khu dân cư hiện trạng và các tổ chức liên kề;...

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; các rủi ro về thiên tai,...

## 3.2. Giai đoạn vận hành dự án

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

\* Nước thải:

- Nước thải phát sinh trong khu vực dự án và khu dân cư hiện trạng xung quanh dự án:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân sống trong khu dân cư giai đoạn 6; từ công trình cộng cộng (trường mầm non, nhà văn hóa,...) trong dự án;... khoảng 81,62 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms,...

+ Nước rỉ rác từ điểm tập kết rác trong khu vực dự án phát sinh khoảng 0,03 m<sup>3</sup>/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms và kim loại nặng,...

+ Nước thải từ khu dân cư hiện trạng xung quanh dự án giai đoạn 6 phát sinh tối đa khoảng 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nước thải phát sinh từ các dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Mả Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỷ lệ 1/500 và nước thải rò rỉ từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nước thải từ trường học đầu nối với khu quy hoạch:

+ Nước thải từ các giai đoạn 1, giai đoạn 2, giai đoạn 3, giai đoạn 5 theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án và theo quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Mả Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỷ lệ 1/500 phát sinh khoảng 150,76 m<sup>3</sup>/ngày đêm (trong đó bao gồm 3,36 m<sup>3</sup>/ngày đêm của khu dân cư hiện trạng giai đoạn 5) được đầu nối thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6), với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms,...

+ Nước dự phòng, thất thoát rò rỉ từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải khoảng 39,85 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước thải từ khu đất dịch vụ, thương mại (chưa triển khai) theo quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Mả Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỷ lệ 1/500 ước tính phát sinh khoảng 36,73 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước thải từ Trường THCS Tân Thanh phát sinh khoảng 10,5 m<sup>3</sup>/ngày.

Tổng lượng nước thải đầu nối thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6) khoảng 339,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Bụi, khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông đi lại trên tuyến đường giao thông của dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO<sub>2</sub>, NO, THC,...

+ Mùi hôi từ khu tập kết rác thải, với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S,...

+ Mùi hôi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải; từ trạm xử lý nước thải tập trung, với thông số ô nhiễm đặc trưng là H<sub>2</sub>S, Mercaptane, CH<sub>4</sub>,...

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

### 3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sống trong dự án, trường mầm non, nhà văn hóa trong khu vực dự án... khoảng 643 kg/ngày.

+ Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại bên trong các công trình của dự án khoảng 41,44 m<sup>3</sup>/năm.

+ Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 12 m<sup>3</sup>/tháng.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các hộ dân, trường mầm non, nhà văn hóa; từ hoạt động vận hành, duy tu, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải tập trung; từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp;..., với tổng khối lượng khoảng 2.889 kg/năm, với thành phần chủ yếu là dầu thải; pin hỏng; gang tay, giẻ lau dính dầu; can thùng đựng hóa chất;...

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động kinh doanh của một số hộ gia đình; từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận hành trạm xử lý nước thải tập trung,...

### 3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; tác động từ việc chăm sóc cây xanh; đến an ninh trật tự;...

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố về bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải;...

## 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt:

- Trang bị 01 nhà vệ sinh di động với bể chứa chất thải dung tích từ 7m<sup>3</sup> đến 10m<sup>3</sup> đặt trên công trường xây dựng.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy).

\* Nước thải thi công:

- Bố trí khoảng 03 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng phục vụ chứa nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

- Bố trí rãnh B300 chiều dài 50m để thu gom nước thải khu vực rửa xe về bể lắng tách, xử lý dầu có dung tích 12m<sup>3</sup> (3mx2mx2m), bể gồm 2 ngăn mỗi ngăn 6m<sup>3</sup> (1,5mx2mx2m):

+ Ngăn thứ nhất đổ cát thô khoảng 4/5 bể có tác dụng lọc cặn dầu: Định kỳ 02 tuần/lần hút lớp cát bề mặt khoảng 5cm, sau đó lưu giữ vào thùng chứa đưa



về kho chất thải nguy hại và được xử lý cùng chất thải nguy hại khác. Sau đó lại bổ sung lượng cát vừa đủ vào ngăn thứ nhất để tiếp tục quy trình xử lý tiếp theo.

+ Ngăn thứ hai là ngăn chứa, lắng cặn nước thải. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn sử dụng lại phục vụ quá trình rửa xe, không xả thải ra môi trường.

\* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Rãnh thoát nước tạm thời là rãnh đất, kích thước từ B400 đến B600, với tổng chiều dài khoảng 650m, trên rãnh khoảng cách trung bình từ 20 đến 30m có bố trí các hố ga lắng cặn thể tích từ 1m<sup>3</sup> đến 1,5m<sup>3</sup>, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 02 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây ngập úng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (như: đất, cát, xi măng, đá,...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi, hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh:

+ Phun nước tưới ẩm tại khu vực san nền phát sinh nhiều bụi, khu vực đào đắp, với tần suất trung bình 4 lần/ngày khi thực hiện công tác lu lèn, đầm nén và tăng tần suất lên 5 đến 6 lần/ngày vào những ngày hanh khô, nắng nóng để giảm bụi phát tán.

+ Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất và vật liệu xây dựng (trong phạm vi bán kính 01 km từ vị trí dự án) với tần suất 02 lần/ngày, tăng tần suất lên 3 đến 4 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng.

- Dựng hàng rào bằng tôn cao từ 2 đến 3m hạn chế bụi phát tán từ quá trình san lấp, đặc biệt khu vực phía Tây, phía Tây Nam và phía Bắc khu vực dự án giáp với khu dân cư hiện trạng

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (như: găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang,...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công.

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ, phun nước rửa bánh xe, thùng xe tránh đất bám theo bánh xe rơi vãi kéo ra đường.

- Đối với bụi từ hoạt động thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm; khí thải từ quá trình tưới nhựa dính bám và trải thảm bê tông nhựa nóng mặt đường:

+ Khi thi công thổi bụi chọn thời điểm thích hợp ít người qua lại; ít ảnh hưởng đến nhà dân; thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa.

+ Trước khi trải lớp bê tông nhựa nóng cần làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa dính bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành trải lớp bê tông nhựa nóng.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm mặt bằng trước khi quét dọn vào thời tiết khô hanh; thi công đến đâu dọn sạch đến đó.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng để thu gom chất thải sinh hoạt.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất khoảng 02 ngày/lần).

- Chất thải rắn thi công xây dựng:

+ Chất thải từ quá trình phát quang thực vật: Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho người dân thu hoạch toàn bộ nông sản, cây trồng. Phần còn lại không tận dụng được (như: gốc, rễ, thân cây,...) được thu gom, sau đó thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển đem đi xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ phá dỡ công trình hiện trạng (phá dỡ mương xây, đường bê tông hiện trạng; di dời mố má; tháo dỡ đường điện hiện trạng) được phân loại và xử lý như sau:

++ Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc (như: bê tông, gạch vỡ,...): Được đập nhỏ, sau đó đổ vào lô san nền bãi đỗ xe, sân thể dục thể thao nằm trong dự án để nâng cao cốt nền (hiện trạng khu vực sân thể dục thể thao, bãi đỗ xe cốt nền thấp hơn xung quanh).

++ Các loại chất thải có thể tái chế (như: đầu mẩu sắt thép, bao bì carton,...) được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế.

++ Các chất thải còn lại (như: bao bì xi măng, đầu mẩu gỗ ván,...): Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đem đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 01 lần/tuần).

+ Đất đào, bóc hữu cơ (khoảng 26.140 m<sup>3</sup>): Tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng, san nền cho dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trước khi tiến hành thi công trên thực địa, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng phuy chứa chất thải có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng đặt tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) để thu gom lượng CTNH phát sinh. Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại và dán nhãn CTNH

theo đúng quy định. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời CTNH, có biển báo theo đúng quy định (container dung tích 06 m<sup>3</sup>) để lưu giữ chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 06 tháng/lần).

#### 4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các thiết bị, máy móc cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao. Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị để bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị đã quá thời hạn sử dụng.

- Công nhân thi công trên công trường được trang bị bảo hộ lao động để hạn chế hoặc chống ồn (như: mũ bảo hiểm, chụp tai...).

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công, đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

- Khi thi công gần các công trình hiện trạng, không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

#### 4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ; công tác rà phá bom mìn phải được hoàn tất trước khi tiến hành khởi công dự án.

- Thành lập đội phòng cháy, chữa cháy, tổ chức học tập huấn cơ bản về công tác phòng cháy, chữa cháy. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy có dung tích 100 lít/thùng đựng cát khô.

- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại hai đầu vào khu vực thi công.

- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra. Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo máy móc, thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão. Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra điểm quy hoạch tiếp nhận.

## 4.2. Giai đoạn vận hành dự án

### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong khu vực dự án giai đoạn 6:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của các khu nhà ở, trường mầm non, nhà văn hóa,... được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại xây dựng bên trong các công trình, sau đó thu gom vào hệ thống rãnh B400 sau nhà có chiều dài 484 m và thoát ra hệ thống cống D300 có chiều dài 413 m trên vỉa hè các tuyến đường chính trong dân cư đầu vào các hố ga đầu chờ hiện trạng theo quy hoạch chung đã được xây dựng tại dự án xây dựng Khu dân cư Mái Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2) để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6).

+ Nước thải phát sinh từ nhà tắm, giặt hay rửa chân tay, rửa dụng cụ nhà bếp hay rửa sàn được tách rác ngay tại nhà dân trước khi đầu vào hệ thống mương rãnh thu gom nước thải chung của dự án (trên mương rãnh có bố trí hố ga lắng cặn) và chảy về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6).

+ Nước rỉ rác tại ga rác: Nước rỉ rác chảy theo độ chênh nền sàn ga rác thu về hố ga thu nước rỉ rác (kích thước 0,34mx0,5mx0,3m; bố trí song chắn rác làm nắp đậy), nước rỉ rác từ ga rác theo đường ống PVC D160 có tổng chiều dài khoảng 15m dẫn về hố gom của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6) để xử lý chung với các loại nước thải khác của dự án.

+ Nước thải của các hộ dân dọc đường bê tông hiện trạng nằm ở phía Tây Nam dự án được xử lý qua bể tự hoại xây dựng bên trong các công trình, sau đó gom vào hệ thống rãnh B400 của dự án có chiều dài 218m và thoát ra hệ thống cống D300 trên vỉa hè các tuyến đường chính trong dân cư đầu vào các hố ga đầu chờ hiện trạng theo quy hoạch chung đã được xây dựng tại dự án xây dựng Khu dân cư Mái Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2) để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6).

+ Hệ thống thu gom nước thải của giai đoạn 6 đầu nối với cống D300 của giai đoạn 1 tại 01 điểm đầu nối, với cống D300 của giai đoạn 2 tại 02 điểm đầu nối. Sau đó, nước thải theo hệ thống cống nước thải hiện trạng đã được xây dựng tại dự án xây dựng Khu dân cư Mái Hạ xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2) và (giai đoạn 3) dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6).

- Nước thải từ giai đoạn 1, giai đoạn 2, giai đoạn 3, giai đoạn 5 theo quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Mái Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỷ lệ 1/500; nước thải từ khu đất thương mại dịch vụ chưa thực hiện và Trường THCS Tân Thanh,... theo đường ống thu gom nước thải D300 được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6).

Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6) có công nghệ xử lý nước thải AO+MBBR, hoạt động theo quy trình công nghệ như sau:

Nước thải từ hệ thống thu gom→Song chắn rác thô→Bể thu gom nước thải→Bể tách dầu mỡ→Bể điều hòa→Bể thiếu khí→Bể hiếu khí→Bể lắng→Bể khử trùng→Môi trường tiếp nhận.

Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thoát ra cống thoát nước D300 có chiều dài 12m vào cống D600 có chiều dài 41m của dự án, sau đó thoát qua cửa xả cống D600 về mương tiêu thoát nước phía Nam khu vực dự án theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 (mương tiêu thoát nước thuộc địa bàn thôn Đông, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang).

\* Nước mưa chảy tràn:

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu gom về các hố thu của hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn là các rãnh B400, cống bê tông cốt thép D400, D600, D800, D1000 cuối cùng đổ ra mương tiêu thoát nước phía Nam khu vực dự án.

- Hệ thống thoát nước mưa của giai đoạn 6 được đấu nối với cống D1000 của giai đoạn 1 tại 01 điểm đấu nối (hố ga M53), với cống D600 của giai đoạn 1 tại 01 điểm đấu nối (gần hố ga M157), với cống D800 của giai đoạn 1 tại 01 điểm đấu nối (ga M47); với cống D800 của giai đoạn 2 tại 02 điểm đấu nối (ga M18, M59), với cống D1000 của giai đoạn 2 tại 01 điểm đấu nối (gần ga M30); mương đất B800 hiện trạng chạy dọc phía Tây dự án tại 03 điểm đấu nối (ga M1, M20, M68); đầu nối thu gom nước mưa từ khu vực Trường THCS Tân Thanh về cửa xả thoát nước mưa D600 ra mương tiêu thoát nước phía Nam khu vực dự án.

- Xây dựng mương hoàn trả kênh G8 là mương xây B800 có điểm đầu đoạn kênh đấu nối với mương xây B800 hiện trạng giai đoạn 1 tại 01 điểm đấu nối (gần ga M106), điểm cuối đầu nối kênh G8 hiện trạng tại 01 điểm đấu nối (gần hố ga M50).

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông và các lô đất trồng cây xanh, đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Rác thải tại ga rác được thu gom vận chuyển đến nơi xử lý trong ngày không để tồn lưu rác làm phát sinh mùi hôi. Ga rác có hệ thống thu gom nước rỉ rác dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Định kỳ 06 tháng/lần tiến hành nạo vét, cống rãnh thoát nước để giảm thiểu ô nhiễm từ quá trình phân hủy hữu cơ của bùn thải.

- Trạm xử lý nước thải tập trung có hệ thống thu gom, xử lý mùi từ trạm xử lý nước thải bằng phương pháp hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH). Thực hiện trồng dải cây xanh cách ly rộng 10m xung quanh trạm xử lý nước thải.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

\* Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Các hộ gia đình, trường mầm non, nhà văn hóa: Tự bố trí thùng chứa rác ngay nơi phát sinh (như: nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh,...) để thu gom, phân loại rác thải và tự hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bể tự hoại trong công trình của mình mang đi xử lý theo quy định.

- Trên các trục đường giao thông nội bộ, khu vực công cộng bố trí khoảng 15 thùng rác có nắp đậy, dung tích khoảng 100 lít/thùng, khoảng cách giữa các vị trí đặt thùng thu gom rác khoảng 100m để tiện cho việc bỏ rác của người dân. Hàng ngày, tổ vệ sinh môi trường của địa phương thực hiện thu gom rác về điểm tập kết chất thải rắn tập trung (Ga rác) của dự án và vận chuyển đến khu xử lý theo quy định.

- Điểm tập kết chất thải rắn tập trung (Ga rác) có diện tích khoảng 70m<sup>2</sup> là điểm tập kết rác thải sinh hoạt cho toàn bộ Khu dân cư Mũi Hạ, xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang theo quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500; thiết kế Ga rác phải đảm bảo quy định theo QCVN 01:2021/BXD; nước rỉ rác được thu gom đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường.

- Đơn vị được bàn giao vận hành dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm (đầu tư xây dựng ở giai đoạn 6) mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 03 tháng/lần).

\* Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đơn vị quản lý vận hành trạm biến áp có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý dầu thải từ trạm biến áp ngay thời điểm thay dầu cho máy.

- Các hộ gia đình chịu trách nhiệm thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại gia đình mình theo quy định.

- Đơn vị được bàn giao vận hành dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ quá trình vận hành dự án để xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh xung quanh dự án, cây xanh có tác dụng hấp thụ tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh máy móc, thiết bị và bảo dưỡng định kỳ; máy móc, thiết bị (như: máy bơm, máy thổi khí,...) lắp đặt trên cạn thực hiện kê gối đàn hồi cao để chống rung.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy, chữa cháy được tốt nhất.

- Thực hiện phân chia làn đường. Kẻ vạch đường chỉ dẫn. Lắp biển báo giao thông. Bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm. Tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông của người dân tại khu dự án khi tham gia giao thông chung.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Bố trí song chắn rác, tách rác từ các hộ gia đình; cống rãnh thu gom nước thải, hố ga có nắp đậy.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung đúng quy trình kỹ thuật; có nhật ký vận hành; kiểm tra thường xuyên việc vận hành trạm xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý. Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị; dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...).

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư**

### **5.1. Giai đoạn thi công xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)**

\* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

- + 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng

- + 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách điểm thi công khoảng 20m.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 467/TTr-TNMT ngày 31/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.